

Số: 128/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định dạy và học ngoại ngữ đối với hệ Đại học chính quy  
của Trường Đại học Công nghệ Thông tin**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ thông tin (ĐHCNTT) thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG.HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG-TCCB, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH, ngày 05 tháng 09 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 25 tháng 01 năm 2011 của ĐHQG.HCM về việc ban hành Quy chế ngoại ngữ tiếng Anh đối với các chương trình đào tạo đại học và sau đại học không chuyên tiếng Anh;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH, ngày 30/8/2013 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc sửa đổi Điều 4 và Điều 8 Quy chế ngoại ngữ tiếng Anh đối với các chương trình đào tạo đại học và sau đại học không chuyên tiếng Anh ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH, ngày 25/01/2011;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 14 tháng 02 năm 2014 của ĐHQG.HCM về việc ban hành Quy định chương trình giảng dạy tiếng Anh không chuyên tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 3 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNTT thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Xét đề nghị của Trưởng Bộ môn Anh văn và Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy định dạy và học ngoại ngữ đối với hệ Đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin**”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực bắt đầu từ học kỳ I năm học 2016-2017. Quyết định này thay thế Quyết định 125/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH, ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNTT.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Vũ Đức Lung**

**QUY ĐỊNH**  
**Đạy và học tiếng ngoại ngữ đối với hệ Đại học chính quy**  
**của Trường Đại học Công nghệ Thông tin**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: . . . /QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH, ngày . . . tháng . . . năm 2016  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về chương trình giảng dạy ngoại ngữ đối với các chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin (gọi tắt là Trường).
2. Quy định này áp dụng với sinh viên đại học chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2016. Sinh viên các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao và chương trình cử nhân, kỹ sư tài năng thực hiện theo quy định riêng của các chương trình này (nếu có).

**Điều 2. Ngoại ngữ được đào tạo**

1. Sinh viên được chọn một trong các ngoại ngữ sau để xét đạt chuẩn quá trình và xét tốt nghiệp: Tiếng Anh, Tiếng Nhật hoặc Tiếng Pháp. (Xem chương IV)
2. Sinh viên chọn ngoại ngữ là Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật sẽ được miễn học các môn tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

**Điều 3. Mục đích của chương trình giảng dạy tiếng Anh và ngoại ngữ khác**

1. Chương trình giảng dạy tiếng Anh nhằm mục đích giúp người học:
  - a. Củng cố toàn diện 4 kỹ năng sử dụng tiếng Anh tổng quát: nghe, nói, đọc, viết; phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ phù hợp với trình độ đào tạo và ngành đào tạo.
  - b. Đáp ứng được chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh đầu ra theo quy định của ĐHQG-HCM.
2. Các ngoại ngữ khác được đưa vào chương trình giúp người học có thêm lựa chọn bổ sung phù hợp với nhu cầu đa dạng của thị trường lao động.

## CHƯƠNG II

### CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH

#### **Điều 4. Chương trình giảng dạy tiếng Anh**

1. Chương trình giảng dạy tiếng Anh của Trường bao gồm các môn học tiếng Anh tổng quát (TATQ) và tiếng Anh chuyên môn (TACM).

a. Môn học TATQ được thiết kế với 3 cấp độ: Anh văn 1 (AV1), Anh văn 2 (AV2) và Anh văn 3 (AV3). Mục tiêu nhằm giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết và chuẩn bị kiến thức cho sinh viên ôn thi đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo qui định.

b. Môn học TACM: là môn học chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh nhằm cung cấp kiến thức tiếng Anh chuyên ngành và tạo môi trường cho sinh viên thực hành các kỹ năng tiếng Anh.

2. Môn học TACM tuân thủ theo các quy định trong Chương III của quy định này.

#### **Điều 5. Kiểm tra xếp lớp đầu khóa**

1. Vào đầu khóa học, Trường tổ chức kiểm tra tiếng Anh để xếp lớp cho tất cả sinh viên khóa tuyển mới. Căn cứ vào kết quả kiểm tra tiếng Anh, sinh viên được xếp vào lớp tiếng Anh phù hợp với trình độ theo Bảng 1.

<b>Điểm kiểm tra (TOEIC)</b> (Listening & Reading)	<b>Kết quả</b>
<300	Không được đăng ký AV1
300-395	Được đăng ký học AV1
400-445	Miễn AV1 và được đăng ký học AV2
≥ 450	Miễn AV1, AV2 và được đăng ký học AV3

**Bảng 1. Quy định xếp lớp sau khi kiểm tra tiếng Anh đầu khóa**

2. Sinh viên không dự thi xếp lớp và không nộp chứng chỉ tiếng Anh sẽ được xếp vào lớp Anh văn bổ túc.

3. Sinh viên có điểm kiểm tra tiếng Anh nhỏ hơn 300 được xếp vào các lớp Anh văn bổ túc.

4. Những học phần tiếng Anh được miễn sẽ được cho điểm M và không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

#### **Điều 6. Xét miễn học các môn học tiếng Anh trong chương trình đào tạo**

1. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ quy định tại bảng 2 thì được đề nghị Trường xét miễn học các môn học tiếng Anh tương ứng trong chương trình đào tạo.
2. Chứng chỉ tiếng Anh hoặc giấy chứng nhận kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh phải còn hiệu lực tính đến ngày xét công nhận.

<b>Môn học</b>	<b>TOEIC</b> (Listening & Reading)	<b>TOEFL</b> <b>iBT</b>	<b>IELTS</b>	<b>Cambridge</b>	<b>VNU-EPT</b>	<b>CEFR</b>
AV1	400	32	4.0	KET Pass with Merit	126 - 150	A2.2
AV2	450	37	4.5	PET Pass with Merit, Pass	151 - 175	B1.1
AV3	500	42	5.0	FCE (45 to 59)/ PET Pass with Distinction	176 - 200	B1.2

**Bảng 2. Xét miễn học Anh văn 1, Anh văn 2, Anh văn 3**

3. Hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ, sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học tại Khoản 1 điều này nộp đơn theo mẫu (phụ lục đính kèm) kèm theo bản sao và mang theo bản gốc của chứng chỉ để kiểm tra, đối chiếu cho Phòng ĐTDH. Sau học kỳ thứ 2 của khóa học, sinh viên không được xem xét miễn học các môn học tiếng Anh trong chương trình đào tạo.
4. Phòng ĐTDH phối hợp với Bộ môn Anh văn kiểm tra và báo cáo Hiệu trưởng ra quyết định công nhận việc miễn học cho sinh viên.

### **Điều 7. Tổ chức lớp học**

1. Có 2 phương thức tổ chức lớp học trong chương trình giảng dạy tiếng Anh:
  - a. Phương thức 1: Lớp tối đa 50 sinh viên.
  - b. Phương thức 2 (Tiếng Anh tăng cường): Lớp nhỏ tối đa 30 sinh viên, phòng học chất lượng cao.

Sinh viên được quyền lựa chọn lớp học theo phương thức 1 hoặc phương thức 2.

2. Tương ứng với 2 phương thức tổ chức lớp ở Khoản 1 của điều này, có 2 phương thức thu học phí:
  - a. Phương thức 1: Học phí được thu theo quy định thu học phí của chương trình đào tạo hệ đại học chính quy.
  - b. Phương thức 2: Học phí được thu theo mức riêng tương ứng với chi phí đào tạo do Hiệu trưởng quy định.

## **CHƯƠNG III**

### **CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH CHUYÊN MÔN**

#### **Điều 8. Tổ chức giảng dạy**

1. Môn học TACM đáp ứng các yêu cầu sau:

- a. Là các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở hoặc chuyên ngành được giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Anh. Nội dung giảng dạy hoàn toàn giống học phần được giảng dạy bằng tiếng Việt.
- b. Cán bộ giảng dạy (CBGD) lý thuyết phải giảng bằng tiếng Anh.
- c. Tài liệu giảng dạy và giáo trình chính của môn học bằng tiếng Anh.

2. Điều kiện để được tham gia học các lớp TACM: Sinh viên phải có chứng chỉ tiếng Anh tương đương chuẩn B1.2 hoặc đã hoàn tất học phần Anh văn 3.

3. Mỗi lớp học TACM có 01 trợ giảng để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập. Trợ giảng do CBGD lý thuyết chỉ định. Trợ giảng có thể sử dụng tiếng Việt trong quá trình hỗ trợ sinh viên.

#### **Điều 9. Yêu cầu về cán bộ giảng dạy**

CBGD phải đáp ứng yêu cầu theo quy định chung của Trường; ngoài ra, CBGD lý thuyết phải đáp ứng thêm một trong các yêu cầu sau đây:

- a. Có trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương cấp độ C1 tham chiếu theo khung Châu Âu (CEFR).
- b. Tốt nghiệp một trường đại học nước ngoài, có sử dụng tiếng Anh trong quá trình học tập (có môn học bằng tiếng Anh, hoặc luận án tốt nghiệp được viết bằng tiếng Anh).
- c. Tốt nghiệp một trường đại học trong nước theo chương trình đào tạo sử dụng 100% tiếng Anh.

#### **Điều 10. Quyền lợi của sinh viên học TACM**

Môn học TACM được ghi chú rõ về ngôn ngữ giảng dạy trong bảng điểm và giấy chứng nhận hoàn thành môn học.

## CHƯƠNG IV

### CHUẨN QUÁ TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

#### Điều 11. Chuẩn quá trình về ngoại ngữ

1. Sau học kỳ chính thứ 4 của khóa học, sinh viên phải đạt chuẩn quá trình về ngoại ngữ theo quy định tại bảng 3. Nếu không đạt chuẩn quá trình, sinh viên chỉ được đăng ký tối đa 02 môn học ngoài các môn học ngoại ngữ (bao gồm cả đăng ký học lại hoặc cải thiện) cho đến khi đạt chuẩn.

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật
<ul style="list-style-type: none"><li>– Đạt môn học Anh văn 1, hoặc</li><li>– Có chứng chỉ tiếng Anh 2 kỹ năng tương đương cấp độ Anh văn 1 (AV1) quy định tại Điều 6 của quy chế này.</li></ul>	Có chứng chỉ tiếng Pháp: DELF A1 hoặc TCF Niveau 1.	Có chứng chỉ tiếng Nhật: JLPT N5.

Bảng 3. Chuẩn quá trình về ngoại ngữ

#### Điều 12. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ

1. Đối với ngoại ngữ là tiếng Anh, để được xét tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn tất các môn học tiếng Anh trong chương trình đào tạo và có một trong các loại chứng chỉ tiếng Anh đạt chuẩn tối thiểu quy định trong Bảng 4 dưới đây. Chứng chỉ tiếng Anh phải có đầy đủ 4 kỹ năng và còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ xét tốt nghiệp.

Chứng chỉ	CEFR	TOEIC		TOEFL iBT	IELTS	Cambridge English	VNU-EPT
		Listening & Reading	Speaking & Writing				
Tiếng Anh	B1.2	450	185	42	5.0	FCE / PET Pass with Distinction	176

Bảng 4. Chuẩn đầu ra tiếng Anh

2. Đối với ngoại ngữ là tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật, sinh viên phải nộp các chứng chỉ còn hiệu lực để được xét tốt nghiệp theo Bảng 5 dưới đây.

<b>Cấp độ (CEFR)</b>	<b>Tiếng Pháp</b>	<b>Tiếng Nhật</b>
<b>B1</b>	DELF B1 TCF niveau 3	JLPT N3

**Bảng 5. Chuẩn đầu ra tiếng Pháp và tiếng Nhật**

- Việc công nhận các loại chứng chỉ khác do Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo Đại học**

- Quản lý đào tạo ngoại ngữ theo chương trình giảng dạy của trường.
- Chủ trì tổ chức thi xếp lớp đầu khóa.
- Chủ trì tổ chức xét miễn học.
- Quản lý việc thực hiện quy định này.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Bộ môn Anh văn, Trung tâm Ngoại ngữ**

- Biên soạn chương trình, phân công giảng viên giảng dạy các môn học ngoại ngữ.
- Phối hợp tổ chức kiểm tra xếp lớp đầu khóa.
- Phối hợp xét miễn học.
- Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học quản lý việc đào tạo ngoại ngữ.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của các Khoa/Bộ môn trực thuộc Trường**

Biên soạn chương trình, tổ chức giảng dạy các môn học TACM.

## **CHƯƠNG VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Vũ Đức Lung**